

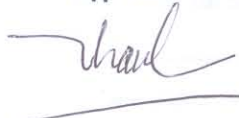
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 3 NĂM 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27,802,699,361	41,737,545,440	101,465,715,686	125,078,277,750
2- Các khoản giảm trừ	03				
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27,802,699,361	41,737,545,440	101,465,715,686	125,078,277,750
4- Giá vốn hàng bán	11	22,793,421,622	33,224,752,538	82,926,075,054	100,700,527,750
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	5,009,277,739	8,512,792,902	18,539,640,632	24,377,750,000
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,021,367,744	1,404,819,142	2,225,530,947	2,823,948,000
7- Chi phí hoạt động tài chính	22	584,126,547	1,750,518,343	1,622,470,231	4,020,096,000
Trong đó: Lãi vay phải trả	23	483,170,932	1,750,518,343	1,521,514,616	4,020,096,000
8- Chi phí bán hàng	24	1,280,411,899	1,104,334,995	3,318,446,519	3,987,084,000
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,584,644,524	2,325,272,054	5,219,391,538	6,235,188,000
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3,581,462,513	4,737,486,652	10,604,863,291	12,959,328,000
11- Thu nhập khác	31	297,021,032	270,863,528	297,836,075	2,067,104,000
12- Chi phí khác	32	130,296,653	1,030	130,301,610	
13- Lợi nhuận khác	40	166,724,379	270,862,498	167,534,465	2,067,104,000
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3,748,186,892	5,008,349,150	10,772,397,756	15,026,432,000
16- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		500,834,915	1,756,710,671	1,501,622,000
18- Lợi nhuận sau thuế	60	3,748,186,892	4,507,514,235	9,015,687,085	13,524,810,000
19- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Ghi chú: Doanh thu hoạt động đầu tư & tài chính không chịu thuế TNDN nhưng trong Quý 01 & quý 02 năm 2009 đã tính thuế cho hoạt động đầu tư & tài chính. Thuế TNDN bình quân 3 quý năm 2009: 1.756.710.671. Nên quý 03 không tính thuế TNDN.

Lập biểu



Trần Thị Mỹ Thạnh

Kế toán trưởng



Thái Thanh Thủy

Ngày 19 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc



Tôn Thái Mạnh